

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/DS-ST
Ngày 27 – 9 – 2023
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Nguyễn Văn Sol.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa: Bà Trần Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung P, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Ông Võ Quốc D, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2023 và các lời khai tại Tòa án ông Nguyễn Trung P (nguyên đơn) trình bày:

Vào ngày 20/7/2020, ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M mở hội loại 500.000 đồng/tháng, tổng 32 chung, ông tham gia 02 chung, ông đóng hội tới kỳ thứ 22 thì ông D, bà M thông báo bế hội, 02 chung hội ông đóng tổng số tiền là 21.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 30/9/2020, ông D và bà M mở hội loại 1.000.000 đồng/tháng, tổng 22 chung, ông tham gia 01 chung, ông đóng hội tới kỳ thứ 18 thì ông D, bà M

thông báo bề hụi, 01 chung hụi ông đóng với số tiền 17.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi ông D và bà M nợ ông là 38.000.000 đồng. Từ khi bề hụi đến nay ông có yêu cầu ông D và bà M trả tiền hụi cho ông nhưng ông D và bà M không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D và bà M trả lại cho ông số tiền hụi là 38.000.000 đồng. Tại đơn xin rút lại một phần nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2023, ông xin rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện ông không yêu cầu ông D và bà M trả số tiền hụi 21.000.000 đồng, lý do danh sách hụi 500.000 đồng/tháng không có tên ông. Nay ông chỉ yêu cầu ông D và bà M trả lại cho ông số tiền hụi của đây hụi 1.000.000 đồng/tháng với số tiền là 17.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Tại biên bản làm việc ngày 07/9/2023 ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M (bị đơn) trình bày:

Vào ngày 20/7/2020, ông bà có mở hụi loại 500.000 đồng/tháng, tổng 32 chung, ông P không có tham gia chơi hụi của ông bà, danh sách hụi “*Tổ hùòng vốn*” ghi tên mẹ ông P “*Cô bảy*”, nên ông bà không có nợ ông P số tiền hụi 21.000.000 đồng.

Tiếp đến ngày 30/9/2020, ông bà mở hụi loại 1.000.000 đồng/tháng, tổng 22 chung, ông P tham gia 01 chung, danh sách hụi “*Tổ hùòng vốn*” ghi tên “*Phong (C.7)*”, ông P đóng được 17 kỳ, đến kỳ thứ 18 thì ông bà đình hụi. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, thì ông bà đồng ý trả cho ông P số tiền hụi là 17.000.000 đồng. Do điều kiện đi lại, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông bà khi hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa:

Ông P vẫn bảo lưu quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung P. Buộc ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trung P số tiền hụi 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng). Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trung P, về việc yêu cầu bà ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M trả số tiền hụi 21.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D và bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Trung P với bị đơn ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M là “*Tranh chấp hụi*” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Hiệp, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Tại phiên toà, ông P xin rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông D và bà M trả số tiền hội 21.000.000 đồng. Xét thấy, việc ông P rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện là tự nguyện phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông P đã rút.

[3.2] Đối với dây hội 1.000.000 đồng, ông Nguyễn Trung P yêu cầu ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M trả lại cho ông P số tiền hội 17.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này của ông P thì ông D và bà M đồng ý trả cho ông P số tiền hội 17.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông D và bà M phải có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền hội là 17.000.000 đồng, ông P không yêu cầu tiền lãi nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra, ông D và bà M còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán nếu chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông D và bà M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% đối với số tiền 17.000.000 đồng phải trả cho ông P là 850.000 đồng.

Ông P không phải chịu án phí, số tiền đã dự nộp được nhận lại.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung P.

[1] *Về nội dung:*

Buộc ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trung P số tiền hui 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trung P, về việc yêu cầu ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M trả số tiền hui 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

[3] *Về án phí:*

Ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 850.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Trung P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông P 950.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009336 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, ông P có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông D và bà M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng

